

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HỒNG DÂN  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 09-7-2021.

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN**

*Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Văn Tám

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thành Đền

Ông Lại Thiện Phong

*Thư ký phiên tòa:* Bà Thái Kim Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

*Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa:* Bà Lê Huyền Mao - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 50/2021/TLST–HNGĐ, ngày 23 tháng 02 năm 2021 về tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXXST–HNGĐ, ngày 25 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thị Kim N, sinh năm 1999. Trú tại: Ấp K, xã L, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu, (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Trương Văn M, sinh năm 1997. Trú tại: Ấp K, xã L, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu, (vắng mặt không lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 18 tháng 02 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, bà Thị Kim N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2018, bà N và ông Trương Văn M tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Lộc Ninh, huyện Hồng dân, tỉnh Bạc Liêu. Trong thời gian chung sống, đến đầu năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên ông M về nhà cha mẹ ruột ở cho đến nay. Do không thể khắc phục mâu thuẫn nên bà N xin ly hôn. Về con: Bà N và ông M, có 01 con chung là cháu Trương Danh Minh Đức, sinh ngày 11/10/2018 hiện đang ở cùng bà N, khi ly hôn bà N yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 29 tháng 4 năm 2021, ông Trương Văn M là bị đơn trình bày: Năm 2018, ông M và bà Thị Kim N tự nguyện chung chung sống với nhau như vợ chồng, được cấp giấy chứng nhận kết hôn UBND xã Lộc Ninh, huyện Hồng dân, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/7/2018. Trong thời gian chung sống đến đầu năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, nhưng mâu thuẫn nhỏ do bất đồng quan điểm và ông M đã về nhà cha mẹ ruột ở. Nay bà N xin ly hôn thì ông M không đồng ý. Về con chung, thống nhất việc bà N trình bày là có 01 người con chung là Trương Danh Minh Đức, sinh ngày 11/10/2018 hiện đang ở cùng bà N, nếu phải ly hôn đồng ý giao con cho bà N tiếp tục nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định; Về nội dung: Tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thể hiện bà N và ông M chung sống với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân đúng quy định pháp luật. Bà N yêu cầu ly hôn với ông M, tuy ông M không đồng ý nhưng không có thiện chí hòa giải, cả hai xác định không chung sống một nhà từ đầu năm 2020 nên chấp nhận theo yêu cầu của bà N được ly hôn cùng ông M. Con chung, bà N đang nuôi dạy, nếu phải ly hôn ông M đồng ý giao cho bà N nên cần giao cho bà N tiếp tục nuôi dạy và bà N không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét; tài sản chung và nợ chung không yêu cầu nên đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Thị Kim N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, ông Trương Văn M đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai vẫn không có mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà N và ông M; Về thẩm quyền giải quyết: Ông Trương Văn M, đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp K, xã L, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền; Về quan hệ pháp luật: Bà N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông M và yêu cầu giải quyết về con chung nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về “Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con” là đúng quy định.

[2] Về nội dung: Bà Thị Kim N và ông Trương Văn M, tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng và được Ủy ban nhân dân xã Lộc Ninh, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/7/2018 nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông M là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, do hai bên bất đồng quan điểm và không thể khắc phục để đoàn tụ bà N và ông M không ở chung một nhà từ đầu năm 2020 đến nay. Ông M không đồng ý ly hôn nhưng không có mặt để hòa giải cũng như xét xử để đưa ra biện pháp khắc phục mâu thuẫn nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà Thị Kim N được ly hôn cùng ông Trương Văn M.

[3] Về con chung: Bà N và ông M thống xác định, có một con chung là Trương Danh Minh Đức, sinh ngày 11/10/2018 hiện bà N đang nuôi dưỡng. Bà N yêu cầu tiếp tục nuôi con và ông M đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Đức cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà N không yêu cầu cấp dưỡng nên ông M không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng ông M có quyền thăm nom con chung không ai có quyền ngăn cản.

[4] Về tài sản: Bà N và ông M không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Thị Kim N phải chịu 300.000đồng, bà N đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí nên được chuyển thu án phí.

[6] Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên, là phù hợp nên Hội đồng xét xử xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thị Kim N đối với ông Trương Văn M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Thị Kim N được ly hôn với ông Trương Văn M.
2. Về con chung: Giao cháu Trương Danh Minh Đức, sinh ngày 11/10/2018 cho bà Thị Kim N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà N không yêu cầu ông Trương Văn M cấp dưỡng nuôi con nên ông M không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng ông M có quyền thăm nom con chung không ai có quyền ngăn cản.
3. Về tài sản: Bà Thị Kim N và Trương Văn M, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.
4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Thị Kim N, phải chịu 3000.000đồng, bà N đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí ở lai thu số 0003496 ngày 23/02/2021 nay được chuyển thu án phí.

Bà Thị Kim N và ông Trương Văn M, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết công khai.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Ninh Hòa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Cao Văn Tám**